

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-ST
Ngày: 28-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Lù Văn Hùng**
2. Ông: **Vừ A Sinh**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2021/TLST-HS, ngày 07 tháng 7 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HS, ngày 16/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Bố đẻ: Lường Văn T (đã chết) và mẹ đẻ Vũ Thị M, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 02 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Công Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1998, nơi sinh: huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ĐKHH: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Bố đẻ: Nguyễn Công Q, sinh năm 1966 và mẹ đẻ Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gia

đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1996 và có 02 người con chung, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lương Thị Sao M, sinh năm 1986
- Nơi cư trú: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).
2. Họ và tên: Vũ Thị M1, sinh năm 1965
- Nơi cư trú: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn D và Nguyễn Công Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đề có ma túy sử dụng, khoảng 12 giờ ngày 22/3/2021 Nguyễn Công Đ dùng điện thoại Iphone 11 Pro max của mình, có số điện thoại Z sử dụng ứng dụng Zalo có tên tài khoản (Nguyễn Công T) nhắn tin cho Lương Văn D có tài khoản Zalo “P”, Đ bảo D đi mua Methamphetamine về cùng sử dụng, cụ thể số tiền 500.000đ Đ bảo D mua 200.000đ Methamphetamine, 100.000đ tiền mua thẻ điện thoại và trả nợ D 200.000đ. D đồng ý, bảo Đ đưa tiền cho D, Đ bảo không có tiền mặt chỉ chuyển khoản. D đã hỏi nhờ số tài khoản của em gái mình là Lương Thị Sao M để Đ chuyển tiền. Sau đó Đ dùng số tài khoản V, tên Nguyễn Công Đ (Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam) chuyển 500.000đ sang số tài khoản B mang tên Lương Thị Sao M tại ngân hàng Agribank (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Sau khi chuyển khoản thành công Đ chụp hình ảnh màn hình và gửi tin nhắn Zalo cho D biết, xác thực giao dịch đã thành công. D đã đến chỗ chị M nhận đủ 500.000đ. Sau khi lấy được tiền D về nhà tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Lead, BKS L của mẹ đẻ là bà Vũ Thị M1, đi xuống bản X, xã B gặp, hỏi mua được của một người phụ nữ dân tộc Thái không biết tên tuổi địa chỉ 14 viên Methamphetamine gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 200.000đ. Sau khi mua được Methamphetamine D cầm trong lòng bàn tay phải, điều khiển xe mô tô đi về. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày khi D đi đến khu vực Bản Q, xã B thì gặp tổ công tác Công an xã Búng Lao phát hiện, yêu cầu D có gì liên quan đến ma túy mang ra giao nộp. D đã tự nguyện giao nộp 14 viên Methamphetamine có khối lượng 1,32 gam. Cùng ngày 22/3/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Công Đ điều tra làm rõ hành vi phạm tội.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 22/3/2021 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 398/GĐ-PC09, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lương Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của bị cáo D là: 1,32 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT-VKS-MA ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử các bị cáo Lương Văn D và Nguyễn Công Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo D và Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt Lương Văn D từ 18 đến 22 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt Nguyễn Công Đ từ 20 đến 24 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy: 1,14 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số Z (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

- Tịch thu sung vào ngân sách 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 11 Pro max, màu vàng gold, số máy MWHG2NV/A, số IMEI: O (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

- Chấp nhận việc trả lại đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ, ngày 16/6/2021 cho:

+ Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1965, cư trú tại Bản Q xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy A01; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số I của xe mô tô BKS L, tên chủ xe Vũ Thị M1; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Lead, màu sơn vàng, BKS L, số khung U, số máy Y, xe cũ qua sử dụng (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

+ Bà Lương Thị Sao M 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S10+ (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

*** Ân phí:**

- Bị cáo Lương Văn D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo D.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Công Đ phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo D và Đ thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, các bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Lương Văn D và Nguyễn Công Đ đã khai và công nhận: Hồi 12 giờ 30 phút ngày 22/3/2021, tại Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên các bị cáo D và Đ bị bắt vì đang tàng trữ trái phép 1,32 gam Methamphetamine, mục đích của các bị cáo tàng trữ Methamphetamine để sử dụng. Nguồn gốc số ma túy này là do Đ bỏ tiền ra nhờ D mua hộ về sử dụng chung. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 54/CT-VKSMA, ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Các bị cáo D, Đ tàng trữ trái phép 1,32 gam Methamphetamine đủ định lượng buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Các bị cáo D và Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Methamphetamine, ..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Công Đ là người khởi xướng chủ mưu và là người bỏ tiền ra, nhờ Lương Văn D mua ma túy về sử dụng nên phải chịu hình phạt cao hơn, còn bị cáo D là người đi mua hộ ma túy cho Đ về để sử dụng nên chịu hình phạt thấp hơn.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Lương Văn D được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo học hết lớp 9 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo Nguyễn Công Đ sinh ra và lớn lên tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, học hết lớp 7 nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì nhu cầu xấu của bản thân nên các bị cáo đã cố tình phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; riêng bị cáo D khi tổ công tác vận động bị cáo đã tự giao nộp ma túy cho tổ công tác, sau khi bị bắt bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, khai ra bị cáo Đ, do đó bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như phân tích ở trên. Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS.

Các bị cáo với nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Vũ Thị M1 và Lương Thị Sao M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Về nguồn gốc số ma túy Lương Văn D khai mua của một người phụ nữ dân tộc Thái không biết tên, tuổi và địa chỉ, nên không đủ cơ sở xác minh làm rõ.

[7] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy: 1,14 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số Z (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

- Tịch thu sung vào ngân sách 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 11 Pro max, màu vàng gold, số máy MWHG2NV/A, số IMEI: O (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

- Chấp nhận việc trả lại đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ, ngày 16/6/2021 cho:

+ Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1965, cư trú tại Bản Q xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy A01; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số I của xe mô tô BKS L, tên chủ xe Vũ Thị M1; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Lead, màu sơn vàng, BKS L, số khung U, số máy Y, xe cũ qua sử dụng (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

+ Bà Lương Thị Sao M 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S10+ (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

[8] Án phí:

- Bị cáo Lương Văn D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo D.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Công Đ phải chịu 200.000đ án phí HSST.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của các bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn D và Nguyễn Công Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 22/3/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 22/3/2021).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu để tiêu hủy: 1,14 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số Z (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

- Tịch thu sung vào ngân sách 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 11 Pro max, màu vàng gold, số máy MWHG2NV/A, số IMEI: O (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ*).

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 06/7/2021*).

- Chấp nhận việc trả lại đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ, ngày 16/6/2021 cho:

+ Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1965, cư trú tại Bản Q xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy A01; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số I của xe mô tô BKS L, tên chủ xe Vũ Thị M1; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Lead, màu sơn vàng, BKS L, số khung U, số máy Y, xe cũ qua sử dụng (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

+ Bà Lương Thị Sao M 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S10+ (*được thể hiện tại Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2021*).

3. Án phí:

- Bị cáo Lương Văn D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo D.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Công Đ phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Các bị cáo D và Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Các bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Phương